

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ THỌ
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11 /2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30-8-2024

“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ THỌ - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc H.**

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị N

2. Ông Trần Quang Huân

Th ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu H1- Cán bộ T1 án nhân dân thị xã P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thị xã P tham gia phiên tòa:

Bà **Vũ Thị Thu H2** - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2024/ TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: - Anh Bùi Xuân N1, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Khu F, xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: - Chị Thị Hoàng N2, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Khu F, xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ.

Nơi ở hiện nay: 177/21, khu phố T, phường T, thành phố D , tỉnh Bình Dương

(A N1 có mặt, chị N2 có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời trình bày tiếp theo tại Toà án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Bùi Xuân N1 trình bày: Tôi và chị Thị Hoàng N2 đã đăng ký kết hôn ngày 01/3/2018 tại UBND xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ trên cơ sở tự nguyện và hợp pháp. Sau khi cưới, hai vợ chồng chung sống tại khu F, xã

P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc hòa thuận được 06 năm đến nay thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Từ những mâu thuẫn trên, nay tình cảm vợ chồng không còn, tôi xin được ly hôn với chị Thị Hoàng N2

- Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung là Bùi Ngọc Như Ý, sinh ngày 21/04/2019. Hiện nay cháu đang ở với tôi. Khi ly hôn, tôi xin được nuôi cháu Ý và không đề nghị chị Thị Hoàng N2 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung

- Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chúng tôi không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Thị Hoàng N2 không đến Tòa án làm việc tuy nhiên đã có bản trình bày quan điểm của mình và có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt gửi cho Tòa án. Trong đơn chị N2 đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt chị và chị vẫn giữ nguyên quan điểm như chị đã trình bày trong bản tự khai ngày 05/8/2024 gửi cho Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Bùi Xuân N1 tự nguyện yêu nhau được hai bên gia đình tổ chức đám cưới và cùng đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số: 15/2018 do UBND xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ cấp ngày 01/3/2018. Thời gian đầu chúng tôi chung sống hạnh phúc, đến sau này cuộc sống vợ chồng giữa chúng tôi xảy ra nhiều mâu thuẫn và trầm trọng, cụ thể: bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, vợ chồng không có sự đồng cảm, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng không còn. Mặc dù chúng tôi đã nhiều lần cố gắng để vợ chồng cùng nhau hàn gắn tình cảm để cây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả. Nhận thấy hôn nhân không có hạnh phúc, thực tế cuộc sống vợ chồng giữa chúng tôi không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi với anh Bùi Xuân N1 được ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Bùi Ngọc Như Ý, sinh ngày 21/4/2019. Khi ly hôn, anh N1 chịu trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tôi không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh N1

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết

- Về nghĩa vụ chung : Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ có quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Vụ án được thụ lý đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điều 51, điều 56, điều 81, điều 82; điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng

dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Bùi Xuân N1 và chị Thị Hoàng N2

- Về con chung: Xử: Giao cho anh Bùi Xuân N1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Bùi Ngọc Như Ý, sinh ngày 21/4/2019 cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Chị Thị Hoàng N2 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, do anh N1 không yêu cầu

- Về tài sản chung: Anh Bùi Xuân N1 và chị Thị Hoàng N2 không đề nghị giải quyết nên không xem xét giải quyết.

- Về công nợ, công sức: Không có nên không xem xét.

- Về án phí: Thực hiện theo quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về tố tụng:** Tranh chấp ly hôn, con chung giữa anh Bùi Xuân N1 và chị Thị Hoàng N2 là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn chị Thị Hoàng N2 có nơi cư trú tại khu F, xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, anh N1 đã có lời trình bày tại Tòa án, chị N2 tuy không đến Tòa án làm việc nhưng đã có bản tự khai trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án gửi đến Tòa án. Sau đó Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chị N2 không đến Tòa án để làm việc nhưng chị N2 đã có lời khai và trình bày quan điểm của mình nên Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Chị N2 có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt gửi Tòa án. Vì vậy, căn cứ khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị Thị Hoàng N2.

[2]. **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Bùi Xuân N1 kết hôn với chị Thị Hoàng N2 ngày 01/3/2018, trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại: Khu F, xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được 06 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xảy ra cãi vã. Nay tình cảm vợ chồng không còn, anh N1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn chị N2. Quá trình giải quyết vụ án, chị N2 đã có quan điểm trình bày của mình và gửi cho Tòa án thể hiện quan điểm là vợ chồng trong quá trình chung sống cũng đã xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Trong biên bản xác minh ngày 19/8/2024, Tòa án xác minh về quá trình

chung sống tại địa phương của anh N1 và chị N2. Đại diện chính quyền địa phương cung cấp: quá trình chung sống anh N1 và chị N2 có xảy ra mâu thuẫn hay không, nguyên nhân mâu thuẫn là gì địa phương không nắm bắt được. Hiện nay chị N2 không còn chung sống cùng anh N1 và con chung tại khu F, xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh N1 và chị N2 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, việc anh N1 xin ly hôn chị N2 là có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Đồng thời anh N1 và chị N2 đều đồng ý ly hôn nên cần xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh N1 và chị N2.

[3]. **Về con chung:** Anh N1 và chị N2 xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Bùi Ngọc Như Ý, sinh ngày 21/4/2019. Khi ly hôn anh N1 xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không đề nghị chị N2 cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị N2 cũng nhất trí giao con chung cho anh N1 trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Vì vậy cần xử công nhận thoả thuận về việc nuôi con chung và giao cháu Ý cho anh N1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp. Chị Như k phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì anh N1 không yêu cầu.

[4]. **Về tài sản chung:** Anh N1 và chị N2 tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5]. **Về công nợ, công sức đóng góp gia đình:** Anh N1 và chị N2 xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. **Về án phí:** Anh Bùi Xuân N1 tự nguyện chịu cả 150.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 4 điều 147; khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 điều 51, điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình và điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Căn cứ Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố Tụng Dân sự.

1. **Về quan hệ hôn nhân:** Xử: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Bùi Xuân N1 và chị Thị Hoàng N2

2. **Về con chung:** Giao cho anh Bùi Xuân N1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Bùi Ngọc Như Ý, sinh ngày 21/4/2019 cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Chị Như k phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh N1 do anh N1 không yêu cầu.

Chị Thị Hoàng N2 có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. **Về án phí:** Anh Bùi Xuân N1 tự nguyện chịu cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm

ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 005334 ngày 21/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ. H3 lại cho anh Bùi Xuân N1 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi

- VKSND thị;
- Đương sự;
- UBND xã Phú Hộ;
thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THADS TX. Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ (2 bản);
- Lưu văn phòng.

nhận:

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngọc Hà

